

Số: 16 /2010/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 12 tháng 4 năm 2010

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí trông giữ  
xe ô tô, xe máy, xe đạp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

### UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí và lệ phí; số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định về phí và lệ phí; số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2010/NQ-HĐND ngày 24/3/2010 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc sở Tài chính tại Tờ trình số 315/TT-STC ngày 21/10/2009 về việc phê duyệt mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh.

## QUYẾT ĐỊNH:

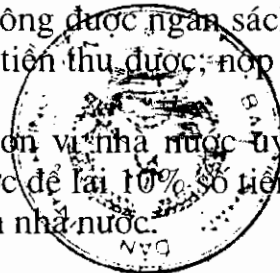
**Điều 1.** - Quy định mức thu phí trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo phụ lục chi tiết đính kèm:

- Quản lý, sử dụng phí thu được như sau:

+ Đơn vị, tổ chức thực hiện thu phí được ngân sách đảm bảo kinh phí hoạt động thu phí theo dự toán ngân sách hàng năm phải nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước.

+ Đơn vị, tổ chức thực hiện thu phí không được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động được sử dụng 90% số tiền thu được; nộp 10% số tiền thu được vào ngân sách Nhà nước.

+ Tổ chức, cá nhân được cơ quan, đơn vị nhà nước ủy quyền thu phí ngoài chức năng, nhiệm vụ thường xuyên, được để lại 10% số tiền thu được để sử dụng; nộp 90% số tiền thu được vào ngân sách nhà nước.



**Điều 2.** Thời gian thực hiện từ ngày 01/4/2010.

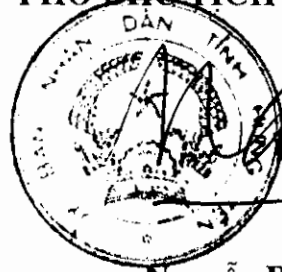
**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Hưng Yên;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu VT, KTTH<sup>T</sup>.

A.15

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



*Nguyễn Bất Khách*  
**Nguyễn Bất Khách**

**PHỤ LỤC CHI TIẾT**  
**(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-UBND ngày 12 / 4 /2010**  
**của Ủy ban nhân dân tỉnh)**

STT	Phí trông giữ ô tô, xe máy, xe đạp	Đơn vị tính	Điều kiện áp dụng	Mức thu phí (đ)	Ghi chú
1	Trông giữ xe đạp ban ngày	đ/xe/lượt		1.000	
2	Trông giữ xe đạp ban đêm	đ/xe/lượt		2.000	
3	Trông giữ xe máy ban ngày	đ/xe/lượt		2.000	
4	Trông giữ xe máy ban đêm	đ/xe/lượt		4.000	
5	Trông giữ xe ô tô ban ngày	đ/xe/lượt	Xe ≤ 30 ghế ≤ 3,5 tấn	10.000	Xe tải, xe khách, xe con
6	Trông giữ xe ô tô ban đêm	đ/xe/lượt	Xe ≤ 30 ghế ≤ 3,5 tấn	12.000	Xe tải, xe khách, xe con
7	Trông giữ xe ô tô ban ngày	đ/xe/lượt	Xe > 30 ghế > 3,5 tấn	10.000	Xe tải, xe khách
8	Trông giữ xe ô tô ban đêm	đ/xe/lượt	Xe > 30 ghế > 3,5 tấn	15.000	Xe tải, xe khách